TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/DS-PT
Ngày: 25-01-2018
V/v: "tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Quốc Dũng
Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Tuấn
Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2017/TLPT-DS, ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2017/DS-ST, ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 245/2017/QĐ-PT, ngày 01 tháng 11 năm 2017 và quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2018/QĐ-PT, ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1963; địa chỉ: Số 148/3, Ấp 3, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm: 1967; địa chỉ: Số 84, đường L, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 24-5-2017).

- *Bị đơn*: Bà Bùi Thị Kim L, sinh năm: 1976 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1975, cùng địa chỉ: Số 169/3, Ấp 3, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo*: Bà Bùi Thị Kim L, bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành kháng nghị.

(Các đương sự có mặt, ông Nguyễn Văn H xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09-5-2017 của bà Nguyễn Thị P và quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn C là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Năm 2012, bà P làm chủ các dây hụi, bà L không trực tiếp tham gia các dây hụi do bà làm chủ hụi nhưng bà L thỏa thuận với bà chồng hụi cho bà L các dây hụi cụ thể như sau:

- *Dây 1:* Ngày 10-8-2012, gồm có 12 phần, mỗi phần 5.000.000đ, bốn tháng mở một lần, bà L tham gia một phần và hốt ở kỳ mở hụi thứ nhất với số tiền bỏ hụi là 2.000.000 đồng, hốt được 33.000.000 đồng, còn 11 kỳ hụi chết bà L không đóng là 55.000.000 đồng. Dây hụi kết thúc vào tháng 8 năm 2015.

- *Dây 2*: Ngày 16-8-2013, gồm có 12 phần, mỗi phần 5.000.000đ, bốn tháng mở một lần, bà L tham gia một phần và hốt ở kỳ mở hụi thứ nhất với số tiền bỏ hụi là 2.550.000 đồng, hốt được 28.050.000 đồng, còn 11 kỳ hụi chết bà L không đóng là 55.000.000 đồng. Dây hụi kết thúc vào tháng 4 năm 2017.

- *Dây 3:* Ngày 29-12-2013, gồm có 11 phần, mỗi phần 5.000.000đ, bốn tháng mở một lần, bà L tham gia một phần và hốt ở kỳ mở hụi thứ nhất với số tiền bỏ hụi là 750.000 đồng, hốt được 12.500.000 đồng, còn 10 kỳ hụi chết bà L không đóng là 20.000.000 đồng. Dây hụi kết thúc vào tháng 12 năm 2016.

- *Dây 4:* Ngày 18-4-2014, gồm có 11 phần, mỗi phần 5.000.000đ, bốn tháng mở một lần, bà L tham gia một phần và hốt ở kỳ mở hụi thứ nhất với số tiền bỏ hụi là 2.000.000 đồng, hốt được 30.000.000 đồng, còn 09 kỳ hụi chết bà L không đóng là 45.000.000 đồng (còn một kỳ chưa mãn). Dây hụi kết thúc vào tháng 4 năm 2017.

- *Dây 5*: Ngày 30-02-2015, gồm có 23 phần, mỗi phần 1.200.000đ, mỗi tháng mở một lần, bà L tham gia một phần và hốt ở kỳ mở hụi thứ nhất với số tiền hốt được 26.400.000 đồng, còn 22 kỳ hụi chết bà L không đóng là 31.900.000 đồng. Dây hụi kết thúc vào tháng 01 năm 2017.

- *Dây 6*: Ngày 01-12-2013, gồm có 12 phần, mỗi phần 5.000.000đ, bốn tháng mở một lần, bà L tham gia một phần và hốt ở kỳ mở hụi thứ ba với số tiền bỏ hụi là 2.000.000 đồng, hốt được 30.250.000 đồng, còn 09 kỳ hụi chết bà L không đóng là 35.000.000 đồng. Dây hụi kết thúc vào tháng 12 năm 2017.

Tính đến ngày 09-5-2017, bà L nợ bà P số tiền là 241.900.000đ.

Ngoài ra, vào ngày 20-4-2014, bà L còn vay của bà P 20.000.000 đồng, hẹn 03 tháng trả, nhưng đến nay bà L không trả. Do bà L chơi hụi và vay tiền để phục vụ cho cuộc sống gia đình nên bà P khởi kiện yêu cầu bà L và chồng là ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho bà P tiền nợ hụi và vay tổng cộng là 261.900.000 đồng, không tính lãi.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Bùi Thị Kim L trình bày:

Bà xác nhận lời trình bày của bà Nguyễn Thị P về thời gian mở hụi, các kỳ hốt hụi và số tiền bà hốt của 6 dây hụi cùng với khoản tiền vay 20.000.000 đồng là đúng. Bà tham gia chơi hụi và vay tiền để con bà đi học. Tuy nhiên, sau khi hốt hụi bà có đóng lại hụi chết cho bà P cụ thể từng dây hụi như sau:

Dây 1: bà đóng lại bảy kỳ hụi chết là 35.000.000 đồng.

Dây 2: bà đóng lại sáu kỳ hụi chết là 30.000.000 đồng.

Dây 3: bà đóng lại bốn kỳ hụi chết là 8.000.000 đồng.

Dây 4: bà đóng lại năm kỳ hụi chết là 25.000.000 đồng.

Dây 5: bà đóng lại tám kỳ hụi chết là 11.600.000 đồng.

Dây 6: bà đóng lại sáu kỳ hụi chết là 30.000.000 đồng.

Tổng cộng bà đã đóng lại hụi chết cho bà P là 139.600.000 đồng. Nay bà chỉ nợ lại bà P là 102.300.000 đồng tiền hụi và 20.000.000đ tiền nợ vay. Việc bà đóng lại hụi chết của sáu dây hụi trên, bà có tự ghi vào danh sách giao hụi do bà P giao (bằng hình thức gạch làm dấu). Nay bà chỉ đồng ý thanh toán cho bà P 122.300.000đ nhưng do hoàn cảnh khó khăn, bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi xong nợ.

- Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 39/2017/DS-ST, ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi" đối với bà Bùi Thị Kim L và ông Nguyễn Văn H. Buộc bà Bùi Thị Kim L với ông Nguyễn Văn H phải liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị P vốn hụi là 241.900.000 đồng và vốn vay là 20.000.000 đồng, tổng cộng: 261.900.000 đồng (hai trăm sáu mươi một triệu chín trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà L và ông H phải liên đới nộp 13.095.000 đồng (mười ba triệu không trăm chín mươi lăm ngàn đồng). Bà P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.547.500 đồng (sáu triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0007621 ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20-9-2017, bà Bùi Thị Kim L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 27-9-2017, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành kháng nghị một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Bùi Thị Kim L kháng cáo cho rằng, sau khi hốt hụi bà đều thực hiện nghĩa vụ đóng lại hụi chết với tổng số tiền là 139.600.000 đồng nên bà chỉ nợ lại bà P số tiền 102.300.000 đồng tiền hụi và 20.000.000đ tiền vay. Do hoàn cảnh khó khăn, bà xin bà P cho bà trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi xong nợ.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành kháng nghị về việc bản án sơ thẩm nhận định do bà L đóng hụi chết không có chứng cứ gì chứng minh và không được bà P thừa nhận nên không chấp nhận lời trình bày của bà L là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Bởi lẽ: Trong 06 giấy giao tiền hụi thì có 05 giấy có chữ viết của bà P ghi ở mặt sau số tiền mà bà P đã cấn trừ những lần hụi chết bà L chưa đóng. Đồng thời, khoảng thời gian ngày mở dây hụi thứ nhất là ngày 10-8-2012 so với ngày mở hụi của dây hụi thứ 6 là ngày 30-02-2015 có khoảng thời gian rất dài để bà P cấn trừ nợ hụi chết và việc bà L không đóng hụi chết mà bà P lại tiếp tục cho hốt các dây hụi sau này là khó có thể xảy ra trên thực tế. Do đó, lời trình bày của bà L xác định số tiền đã đóng hụi chết cho bà P là 139.600.000đ là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc bà L trả cho bà P số tiền nợ hụi là 102.300.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa có ý kiến nhận xét về thủ tục giải quyết vụ án đã đảm bảo theo đúng qui định của pháp luật. Về nội dung tranh chấp:

Về yêu cầu kháng cáo của bà L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành thấy rằng:

Nguyên đơn cho rằng số tiền chênh lệch 73.460.000đ trừ vào nghĩa vụ đóng hụi chết của bà L đối với những dây hụi khác ngoài 6 dây hụi bà P khởi kiện bà L, nhưng bà L không thừa nhận, bà P không đưa ra chứng cứ chứng minh nên cần phải khấu trừ số tiền chênh lệch vào nghĩa vụ đóng hụi chết của bà L đối với các dây hụi bà L tham gia nêu trên là có cơ sở.

Phía bị đơn bà L cho rằng sau khi hốt hụi xong bà có đóng lại các dây hụi chết cho bà P tổng cộng là 139.600.000đ, bà chỉ còn nợ hụi bà P là 102.300.000đ, tuy nhiên không được bà P thừa nhận, bà L không có chứng cứ gì chứng minh. Do đó, sau khi khấu trừ phần chênh lệch bà L còn phải trả cho bà P số tiền hụi chết là 168.44.000đ.

Ngoài ra, bà L xin được trả dần nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của bị đơn có cơ sở chấp nhận một phần; kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát huyện Châu Thành là có căn cứ. Do đó, căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX sửa một phần án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị P khởi kiện bà Bùi Thị Kim L và ông Nguyễn Văn H về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi", Tòa án nhân dân huyện Châu Thành căn cứ vào các Điều 30, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm ông Nguyễn Văn H là bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 và khoản 2 Đều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

[2] Tại biên bản đối chất lập ngày 28-12-2017 và tại phiên tòa phúc thẩm, giữa bà Nguyễn Thị P với bà Bùi Thị Kim L đã thống nhất khai về số tiền thực tế bà P giao cho bà L của 05 trong 06 dây hụi bao gồm:

- *Dây 1:* Ngày 10-8-2012, hốt được 33.000.000 đồng trừ tiền hoa hồng 1.500.000đ, còn lại 31.500.000đ, thực nhận là 22.050.000đ. Chênh lệch 9.450.000đ.

- *Dây 2*: Ngày 16-8-2013, hốt được 28.050.000 đồng trừ tiền hoa hồng 1.500.000đ, còn lại 26.550.000đ, thực nhận là 5.790.000đ. Chênh lệch 20.760.000đ.

- *Dây 3:* Ngày 29-12-2013, hốt được 12.500.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 600.000đ, còn lại 11.900.000đ, nhận đủ.

- *Dây 4:* Ngày 18-4-2014, hốt được 30.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.500.000đ, còn lại 28.500.000đ, nhận đủ.

- *Dây 6*: Ngày 01-12-2013, hốt được 30.250.000 đồng trừ tiền hoa hồng 1.500.000đ, còn lại 28.750.000đ, thực nhận là 9.100.000đ. Chênh lệch 19.650.000đ.

Tổng số tiền chênh lệch là 49.860.000đ. Bà P cho rằng số tiền này trừ vào nghĩa vụ đóng hụi chết của bà L đối với những dây hụi khác ngoài 06 dây hụi bà khởi kiện bà L và tiền nợ vay, nhưng bà L không thừa nhận, trong khi đó bà P không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình cho nên cần cho khấu trừ khoản tiền này vào nghĩa vụ đóng hụi chết của bà L đối với 06 dây hụi bà L tham gia nêu trên.

[2] Đối với dây hụi ngày 30-02-2015 (Dây 5), hốt được 26.400.000 đồng trừ tiền hoa hồng 1.000.000đ, còn lại 25.400.000đ, bà P khai đã giao đủ số tiền 25.400.000đ còn bà L khai chỉ nhận 1.800.000đ. Chênh lệch 23.600.000đ. Mặt sau của tờ biên nhận, bà P ghi : « *Tiền hụi tháng 12.700.000đ ; Tiền thiếu 13.200.000đ ; còn dư 1.800.000 »'* nhưng bà P cho rằng tính tiền để cấn trừ của dây hụi khác và tiền mượn không liên quan đến dây hụi này chỉ ghi cho biết vậy chứ không có cấn trừ. Lời trình bày của bà P có nhiều mâu thuẫn và không đủ chứng cứ để chứng minh bà viết để biết chứ không có cấn trừ cho nên trong trường hợp này số tiền sẽ được xác định theo lời thừa nhận nợ của bị đơn là

1.800.000đ. Số tiền chênh lệch 23.600.000đ được khấu trừ vào nghĩa vụ đóng hụi chết của bà L đối với 06 dây hụi bà L tham gia.

[3] Bà L cho rằng, sau khi hốt hụi xong bà có đóng lại hụi chết cho bà P tổng cộng là 139.600.000 đồng nhưng không được bà P thừa nhận và không có chứng cứ gì chứng minh nên số tiền bà L phải có nghĩa vụ đóng hụi chết của 06 dây hụi đã hốt được xác định là 241.900.000đ nhưng cho khấu trừ 73.460.000đ (49.860.000đ + 23.600.000đ) tiền chênh lệch do bà P cấn trừ khi giao tiền hốt hụi cho bà L cho nên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà L. Số nợ mà bà L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà P bao gồm 168.440.000đ (241.900.000đ - 73.460.000đ) tiền nợ hụi và 20.000.000đ tiền nợ vay. Tổng cộng là 188.440.000đ. Bà L xin trả dần nhưng nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Bà L thừa nhận số tiền hốt hụi và vay của bà P để sử dụng chung cho nhu cầu sinh hoạt gia đình và khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên cần buộc bà L và chồng là ông Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà P tổng cộng số tiền vay và hụi là 188.440.000 đồng.

[5] Về án phí : Bà Bùi Thị Kim L và ông Nguyễn Văn H phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm tính trên tổng số tiền nợ hụi và nợ vay mà các đương sự có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị P.

Bà Nguyễn Thị P phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền 73.460.000đ (241.900.000đ – 168.440.000đ) đương sự khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Kim L và ông Nguyễn Văn H thanh toán nợ góp hụi nhưng không được Tòa án chấp nhận.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị Kim L, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành; cải sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 39/2017/DS-ST, ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 và 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 288, 463, 468, 470, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi" đối với bà Bùi Thị Kim L và ông Nguyễn Văn H.

2. Buộc bà Bùi Thị Kim L với ông Nguyễn Văn H phải liên đới nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị P khoản tiền nợ góp hụi là 168.440.000đ và khoản nợ vay là 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 188.440.000 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, bà Bùi Thị Kim L và ông Nguyễn Văn H chưa thi hành hoàn xong số tiền phải thi hành, thì bà L và ông H còn phải phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bà Bùi Thị Kim L và ông Nguyễn Văn H phải chịu 9.422.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0007789, ngày 20-9-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Số tiền án phí các đương sự có nghĩa vụ nộp tiếp là 9.122.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị P phải chịu 3.673.000 đồng phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 6.547.500 đồng tiền nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0007621 ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An. Số tiền thừa trả lại cho bà Nguyễn Thị P là 2.874.500 đồng.

4. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Quốc Dũng